TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/HS-ST
Ngày: 14/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Huế**.

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Đào Minh Phấn và ông Trần Ngọc Tuân.**

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Xuân Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa:* **Bà Trịnh Thị Khánh Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HS ngày 04/7/2023 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN MINH T (Tên gọi khác: Bi A), sinh ngày: 09/10/2000 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông (Nguyễn Minh L (chết) và bà Nguyễn Thị Xuân H - sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 11/5/2023 bị công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định số 06/QĐ-CAH-CSHS về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 1.500.000đồng.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 13/3/2023, hiện đang tạm giam tại Công an huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN HỮU THÂN, sinh ngày: 10/01/1993 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn S - 1961 và bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1957; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân:

- Ngày 19/12/2013 bị Công an thị trấn K xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000đồng về hành vi "ném đá vào nhà người khác".

- Ngày 18/12/2015 bị Công an thị trấn K xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 300.000đồng về hành vi "gây mất trật tư công cộng khu dân cư".

- Ngày 05/10/2022 bị Công an thành phố P – T xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 5.000.000đồng về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Ngày 16/6/2023 bị công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định số 07/QĐ-CAH-CSHS về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 1.500.000đồng.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (có mặt tại phiên tòa).

** Người bị hại:* Ông Trương T1 – sinh năm: 1956. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

** Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Bách H1 – sinh năm: 1987. Vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: KP5, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bà Võ Thị Mỹ H2 – sinh năm: 1990. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu phố K, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 15 phút ngày 9/4/2022, bị cáo Nguyễn Hữu T2 điều khiển xe mô tô chở bị cáo Nguyễn Minh T3 tới chợ D thuộc khu phố K, thị trấn K để mua chè ăn. Sau khi mua chè xong, bị cáo T3 thấy xe mô tô biển số 85S1-3586 của ông Trương T1 để ở đường vào chợ gần nhà bà Trần Thị L1, không có người trông giữ, trên xe mô tô có gắn chìa khóa và có giỏ bánh mì phía sau nên T3 đã nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài và rủ T2 cùng thực hiện. T2 đồng ý và canh gác để T3 đến chỗ để xe mô tô rồi lén lút dắt xe ra ngoài đường nổ máy. Bị cáo T3 chạy trước, bị cáo T2 chạy phía sau theo đường Phạm Ngọc T4 đi về hướng thành phố P – Tháp chàm. Khi đến gần Trung tâm y tế huyện N bị cáo T3 tháo giỏ bánh mì và ném xuống lề đường rồi cùng với bị cáo T2 điều khiển xe mô tô đi theo đường H đến tiệm C ở khu phố A, phường T, thành phố P-T bán xe mô tô vừa lấy trộm được cho anh Nguyễn Bách H1 được 2.000.000 đồng, T3 chia cho T2

1.000.000 đồng rồi cả hai đi về. Sau đó anh H1 đã bán lại xe mô tô biển số 85S1-3586 cho người không rõ họ tên địa chỉ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 19/01/2023, bị cáo Nguyễn Minh T3 bị Công an huyện N bắt giữ vì có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị cáo đã tự nguyện khai ra hành vi lấy trộm xe mô tô của ông Trương T1, còn bị cáo Nguyễn Hữu T2 đi làm không có mặt tại địa phương đến ngày 23/5/2023 mới trở về và cũng khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra, các còn khai nhận đã nhiều lần lấy trộm tài sản trên địa bàn huyện N và thành phố P - T. Đối với hành vi trộm cắp trên địa bàn thành phố P - T, Cơ quan điều tra đã chuyển tin báo để giải quyết theo thẩm quyền. Còn hành vi trộm cắp trên địa bàn huyện N, do chưa xác định được bị hại nên Cơ quan điều tra tiếp tục thông báo truy tìm bị hại và xử lý sau.

Quá trình điều tra, các bị cáo cũng khai nhận toàn bộ hành vi phạm tôi của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 23/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: Xe mô tô biển số 85S1-3586 trị giá 2.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKS-NH ngày 23/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải đã truy tố các bị cáo Nguyễn Minh T3, Nguyễn Hữu T2 về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh T3, Nguyễn Hữu T2 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu T2, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T2 từ 06 đến 09 tháng tù.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh T3, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T3 từ 06 đến 09 tháng tù

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Nguyễn Minh T3, Nguyễn Hữu T2 đồng ý bồi thường theo thỏa thuận cho hại Trương T1 số tiền là 5.000.000 đồng nhưng hiện nay chưa bồi thường.

- Khi bán xe mô tô biển số 85S1-3586 cho anh Nguyễn Bách H1, bị cáo T3 không nói cho anh H1 biết xe mô tô này là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý anh H1 là có căn cứ.

- Xe mô tô mà bị cáo T2 điều khiển chở bị cáo T3 đi lấy trộm tài sản là của chị Võ Thị Mỹ H2 cho T2 mượn, chị H2 không biết mục đích T5 sử dụng xe và

hiện nay chị H2 đã bán chiếc xe này nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra.

Bị hại giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra, đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận với đề nghị của Kiểm sát viên.

Bị cáo T3 nói lời sau cùng: Thời gian qua bị cáo đã thấy có lỗi và ân hận về hành vi của mình, bị cáo xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T5 nói lời sau cùng: Bị cáo đã thấy hành vi của mình là sai, bị cáo xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo lao động kiếm tiền phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng là ông Nguyễn Bách H1 và bà Võ Thi Mỹ H3 dù được triệu tập hợp lệ nhưng trong quá trình điều tra những người này đã có lời khai đầy đủ và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 293 của bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Minh T3, Nguyễn Hữu T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên có căn cứ để xác định: Khoảng 09 giờ 15 phút ngày 09/4/2022, tại khu phố K, thị trấn K, huyện N các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 85S1-3586, trị giá 2.500.000 đồng của ông Trương T1 để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải

truy tố các bị cáo Nguyễn Minh T3, Nguyễn Hữu T2 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù bị các cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo và tại phiên tòa có ăn năn hối cải được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Minh T3 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là tự thú quy định tại điểm r khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên các bị cáo đều có nhân thân xấu trong đó bị cáo T3 bị công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 11/5/2023 còn bị cáo Nguyễn Hữu T2 đã nhiều lần bị xử phạt hành chính về các hành vi như ném đá vào nhà người khác, gây mất trật tự khu dân cư, tàng trữ trái phép chất ma túy, sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài lần hạm tội này các bị cáo còn tự khai ra nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp trên địa bàn huyện N và thành phố P - T nhưng cơ quan điều tra chưa làm rõ nên hiện nay chưa xử lý được.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng đối với bị cáo: về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.Trong vụ án này, bị cáo T3 là người rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội còn bị cáo T2 là người giúp sức tích cực nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc để có mức hình phạt tương xứng đối với vai trò của các bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra các bị cáo, người bị hại đã thỏa thuận được với nhau về số tiền thường 5.000.000 đồng, tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo và người bị hại theo thỏa thuận là mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 2.500.000đồng.

[6] Các nội dung khác:

- Khi bán xe mô tô biển số 85S1-3586 cho anh Nguyễn Bách H1 nhưng bị cáo T3 không nói cho anh H1 biết xe mô tô này là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý anh H1 là có căn cứ.

- Xe mô tô mà bị cáo T2 điều khiển chở bị cáo T3 đi lấy trộm tài sản là của chị Võ Thị Mỹ H2 cho T2 mượm, chị H2 không biết mục đích T5 sử dụng xe và hiện nay chị H2 đã bán chiếc xe này nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Các bị cáo Nguyễn Minh T3 và Nguyễn Hữu T2 còn khai nhận đã nhiều lần lấy trộm tài sản trên địa bàn huyện N và thành phố P - T. Đối với hành vi trộm cắp

trên địa bàn thành phố P - T, Cơ quan điều tra đã chuyển tin báo để giải quyết theo thẩm quyền. Còn hành vi trộm cắp trên địa bàn huyện N, do chưa xác định được bị hại nên Cơ quan điều tra tiếp tục thông báo truy tìm bị hại và xử lý sau.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh T3. Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu T2. Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 589, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Nguyễn Minh T3, Nguyễn Hữu T2

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh T3 (Tên gọi khác: Bi A), Nguyễn Hữu T2 tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh T3 (Tên gọi khác: Bi A) **08 (**T6**)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T2 **07 (**B**)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo Nguyễn Minh T3 và Nguyễn Hũu T7 với bị hại Trương Thía .

Buộc các bị cáo Nguyễn Minh T3 và Nguyễn Hũu T7 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại Trương T1 là 5.000.000[đ] *(Năm triệu đồng)*. Chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Trương T1 2.500.000đồng *(Hai triệu năm trăng ngàn đồng).*

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Minh T3, Nguyễn Hữu T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000[đ] *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại - quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/7/2023).

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Công an huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huế